TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MỸ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2018/HSST
Ngày 01/02/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ – TỈNH HƯNG YÊN
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh.
***- Các Hội thẩm nhân dân*:**
1/ Ông Đặng Đức Thành và ông Trần Công Phú

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huệ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 05 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1987
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Hưng Yên.
Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa:6/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1960 và bà Lê Thị T, sinh năm: 1963; gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ hai; vợ, con: Chưa có
Tiền án, tiền sự: Chưa có
Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2017, đến ngày 28/9/2017 chuyển tạm giam, hiện bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Mỹ, có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất của Tòa án.

2/ **Trịnh Văn H**, sinh năm 1988
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn H, xã Lý Thường K, huyện M, tỉnh Hưng Yên.
Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa:9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trịnh Công H, sinh năm: 1950 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm:

1952; gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ 5; vợ: Nguyễn Thị Á Tuyết, sinh năm 1993; con: Chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội bắt giữ người trái phép.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/11/2017, hiện bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Mỹ, có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất của Tòa án.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 2000 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn Th, xã L, huyện H, tỉnh Hưng Yên.

**** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:***

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (có mặt)

Bà Trần Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại: Thôn Th, xã L, huyện H, tỉnh Hưng Yên.

****Những người làm chứng:***

1/ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại: Thôn Th, xã L, huyện H, tỉnh Hưng Yên.

2/ Chị Trần Gia Ng, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Ph, huyện Th, tỉnh Hậu Giang

Nơi cư trú tại: Thôn T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

3/ Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại: Thị trấn B, huyện H, tỉnh Hưng Yên

4/ Chị Hà Thị Th, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Nh, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú tại: Thôn T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

5/ Chị Ngô Thị Th, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Ứ, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú tại: Thôn T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

6/ Chị Trương Thị X, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã X, huyện H, tỉnh Nghệ An.

7/ Chị Ngô Thị Nh, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Ứ, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú tại: Thôn Tra, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

8/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Gia Ng là nhân viên phục vụ quán Karaoke do Nguyễn Thanh Tquản lý, chiều ngày 09/9/2017 chị Ng gọi điện thoại cho T xin nghỉ việc. Lúc này Tđang đi chơi với Trịnh Văn H, sau khi nghe điện thoại của chị Ngh, T cùng H về phòng trọ của chị Ngh để tìm hiểu lý do nghỉ việc, khi đến có anh Nguyễn Văn D bạn trai chị Ngh đang ở trong phòng. Sau khi chị Ngh nói "muốn quay về quán karaoke Suối Đá làm để lấy nốt tiền công", bị cáo H gọi điện cho anh Nguyễn Đình Th là chủ quán Suối Đá thì được biết anh Th không còn nợ gì chị Ngh. T, H cho rằng anh D là người bảo chị Ngh nghỉ làm nên đã bảo anh D và chị Ngh sang phòng trọ của T ở bên cạnh để nói chuyện, khi tất cả mọi người cùng sang thì H dùng tay tát vào mặt anh D và dùng then cài cửa bằng sắt đe dọa đánh, anh D sợ hãi quỳ xuống nền nhà xin thì H bỏ ra ngoài, T dùng tay chân đấm đá anh D, sau khi không đánh nữa T nói "giờ tao không đánh mày nữa mà sẽ phạt mày cho mày nhớ đời" và T lấy giấy, bút trong phòng viết với nội dung viết giấy nhận nợ với nội dung anh D trộm cắp xe mô tô của T mang đi cắm lấy 5.000.000đ, H đi vào phòng nói với T "viết như vậy là không được mà để cho D tự viết, tự ký vào giấy", do vậy T đã đưa giấy, bút cho anh D viết giấy nhận nợ 5.000.000đ, sau khi anh D viết và ký xong T bảo anh Vũ Văn Đ, chị Nguyễn Thị H và chị Ngh là những người trong khu trọ ký làm chứng. Tùng yêu cầu anh D mượn điện thoại của anh Đ gọi điện về cho gia đình bảo người nhà mang 5.000.000đ xuống đưa cho T. Đến 19 giờ 30 cùng ngày T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29V7 – 14523 chở anh D ra ngã năm vòng xuyến Cầu Treo gặp ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn C là bố và anh của anh D. T đưa tờ giấy D tự viết cho anh C xem, sau đó anh C lấy 5.000.000đ của ông N đưa cho T, T thấy ông N bị

liệt nên đã đưa lại 1.000.000đ cho ông N, T về trả nợ cho Trịnh Văn H 800.000đ, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Chị Nguyễn Thị Th chỉ chứng kiến, không tham gia việc H và T cưỡng đoạt tài sản của anh D, anh Vũ Văn Đ, chị Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Ngh bị T ép ký làm chứng vào giấy nhận nợ của anh D nên không có vai trò đồng phạm với T, do vậy không có căn cứ xử lý.

Chiếc xe mô tô Vecpa biển kiểm soát 29V7 - 14523 của T, sau khi phạm tội bị cáo đã bán cho một người không biết tên tuổi được 5.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 03/QĐ-VKS-HS, ngày 04/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T và Trịnh Văn H về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ Luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H khai nhận vì bực tức việc D xui chị Ngh nói dối cho rằng anh Th còn nợ tiền công của Ngh, nên bị cáo mới đánh anh D. Bị cáo biết rõ anh D không trộm cắp xe của T mang đi cầm cố, sau khi T tự viết giấy anh D nợ tiền T và có đưa cho bị cáo xem và bị cáo có nói "viết như này không được, để cho anh D tự viết và ký", mục đích bị cáo xem giấy và nói với bị cáo T như vậy để người nhà D tin tưởng và giao tiền cho bị cáo T. Sau khi bị cáo T chiếm đoạt được 4.000.000đ của người nhà anh D, bị cáo không được T chia cho tiền, số tiền 800.000đ T đưa là trả nợ cho bị cáo.

Bị cáo T khai nhận, trước khi xảy ra sự việc anh D đến ở cùng phòng với chị Ngh, chi phí sinh hoạt hàng ngày của chị Ngh và anh D đều do bị cáo chu cấp cho hai người, nên khi biết anh D xui chị Ngh không làm việc cho bị cáo nữa, bị cáo rất bực tức nên đã đánh anh D, khi đánh bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản của anh D. Sau khi đánh xong khoảng 15 phút sau bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh D, do vậy bị cáo mới viết giấy với nội dung anh D đến chơi trộm xe của bị cáo mang đi cầm cố và bị cáo phải đi chuộc với giá 5.000.000đ, thực chất D không trộm xe hay mượn xe của bị cáo việc này bị cáo H cũng biết rõ, sau khi viết xong bị cáo có đưa cho H xem và H tư vấn cho bị cáo để anh D tự viết, do vậy bị cáo mới yêu cầu anh D tự viết lại. Tại phiên tòa bị cáo đã tác động đến gia đình, nên bố bị cáo đã trả cho ông N 4.000.000đ thay cho bị cáo. Khi đi nhận tiền bị cáo chở anh D bằng xe Vecpa biển kiểm soát 29V7 – 14523, xe này là của bị cáo mua nhưng chưa sang tên, đổi biển kiểm soát, sau khi sự việc

xảy ra bị cáo đã bán xe được 5.000.000đ và chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Dương trình bày: Bị cáo H và T đánh anh do anh xui chị Ngh nghỉ làm và nói dối hai bị cáo.Trong lúc đánh anh, hai bị cáo không nói gì đến việc bắt anh phải viết giấy nợ tiền. Lý do anh viết giấy nợ tiền cho bị cáo T là do bị cáo T dọa nếu không viết thì không cho về, chứ không phải do bị cáo H và T đánh làm anh sợ nên viết, vì sau khi bị cáo T đánh anh thì 15 phút sau anh mới viết giấy, khi viết giấy lý trí anh hoàn toàn tỉnh táo minh mẫn, không lo sợ. Gia đình bị cáo T đã trả lại cho bố anh 4.000.000đ, anh đề nghị HĐXX.giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Ông N trình bày: Ông đã nhận đủ 4.000.000đ do bố bị cáo T trả, nên ông không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, ông đề nghị HĐXX. giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ đề nghị HĐXX. tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T và Trịnh Văn H về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1;2 Điều 51; Điều 17; 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hai bị cáo, áp dụng thêm điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, bị cáo H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, đề nghị HĐXX. truy thu số tiền 5.000.000đ đối với bị cáo T. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn có quan điểm về trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên*: Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Tại phiên tòa hai bị cáo đều khai nhận anh D không mượn hoặc trộm cắp xe của bị cáo T mang đi cầm cố, nhưng bị cáo T đã yêu cầu anh D viết giấy nợ bị cáo 5.000.000đ, nếu anh D không viết thì bị cáo không cho anh D về, như vậy bị cáo T có hành vi uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tài sản của anh D. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, đơn xin đầu thú, bản tự khai và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trước khi anh D viết giấy nhận nợ thì hai bị cáo có đánh anh D, nhưng đánh với lý do anh D xui chị Ngh nói dối, xui

chị Ngh không làm việc cho bị cáo T nữa, khi đánh hai bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản của anh D, bị cáo T chỉ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh D sau khi đánh anh D. Tại phiên tòa anh D xác định lý do anh viết giấy nhận nợ là do bị cáo T nói phạt anh, anh viết mới được về, bị cáo T không đánh anh trong khi anh viết giấy, khi bị đánh thì T và H không nói anh phải viết giấy nhận nợ, hoặc nói anh phải gọi người nhà mang tiền đến cho hai bị cáo, sau khi bị đánh 15 phút bị cáo T mới yêu cầu anh viết giấy, khi viết lý trí hoàn toàn tỉnh táo minh mẫn. Bị cáo T đã chiếm đoạt được 4.000.000đ, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 135 Bộ luật hình sự. Bị cáo H không trực tiếp yêu cầu anh D viết giấy, không nhận tiền từ bố anh D, bị cáo biết rõ anh D không trộm cắp hoặc mượn xe của bị cáo T mang đi cầm cố lấy 5.000.000đ, nhưng khi bị cáo T tự viết giấy anh D nợ 5.000.000đ thì bị cáo H đã xem lại giấy, rồi tư vấn và hướng dẫn nội dung cho bị cáo T và bảo bị cáo T yêu cầu anh D tự viết để cho gia đình anh D tin tưởng và giao tiền cho bị cáo T, nên bị cáo H là đồng phạm với bị cáo T về hành vi cưỡng đoạt tài sản, do vậy bản cáo trạng số 03/QĐ-VKS-HS, ngày 04/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố hai bị cáo Nguyễn Thanh T và Trịnh Văn H về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ Luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định.

1. *Người nào đe dọa dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.*

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một khách thể của pháp luật hình sự, hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân bất bình. Tuổi đời của các bị cáo còn trẻ, nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện bằng chính sức lao động của mình, mà lại thực hiện hành vi cưỡng đoạt công sức lao động của người khác lấy tiền ăn tiêu chơi bời, do vậy, cần phải dành cho các bị cáo một bản án nghiêm khắc thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này hai bị cáo là đồng phạm với nhau, nhưng là đồng phạm giản đơn vì hai bị cáo không có sự phân công vai trò của từng người, bị cáo T là người khởi xướng, chủ mưu là người trực tiếp yêu cầu anh D viết giấy, trực tiếp đi nhận tiền và sử dụng số tiền chiếm đoạt, bị cáo H là người giúp sức, do vậy bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo H.

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Đối với bị cáo H: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội bắt giữ người trái phép, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2015. Theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm b Điều 2 Nghị quyết 41/ 2017/ NH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự, áp dụng hướng có lợi cho bị cáo, nên theo điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, thì bị cáo đã được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo không bị tính là tái phạm.

[5.2] Trong vụ án này cả hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn

năn hối cải, nên hai bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51, bị cáo T đã tích cực tác động đến gia đình nên tại phiên tòa bố đẻ bị cáo đã trả ông N 4.000.000đ thay cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 điều 51, bị cáo H có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, tại phiên tòa anh D và ông N cùng đề nghị HĐXX. giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, do vậy hai bị cáo còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hai bị cáo trước khi bị bắt không có công việc ổn định, không có tài sản tích lũy, do vậy, nay miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn N đã nhận lại đủ 4.000 000đ, ông và anh D không yêu cầu các bị cáo phải trả hoặc bồi thường gì khác, do vậy HĐXX. không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Đối với tờ giấy bị cáo Tùng viết và tờ giấy nhận nợ anh D tự vết sau khi nhận được tiền bị cáo đã vứt đi, cơ quan điều tra không thu giữ được do vậy HĐXX. không đặt ra xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô Vecpa, biển kiểm soát 29V7 - 145.23 là của bị cáo T, bị cáo đã dùng chiếc xe này chở anh D đi lấy tiền từ ông N, nên có căn cứ xác định chiếc xe này là phương tiện bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã bán cho một người không biết tên và địa chỉ được 5.000.000đ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ không thu giữ được chiếc xe này, vì vậy nay truy thu của bị cáo số tiền 5.000.000đ nộp ngân sách nhà nước.

[9] Chị Nguyễn Thị Th là người chứng kiến việc T, H cưỡng đoạt tài sản đối với anh D, nhưng không tham gia vào việc cưỡng đoạt. Anh Vũ Văn Đ, chị Nguyễn Thị H và chị Trần Gia Ngh bị Tùng ép ký vào giấy nhận nợ của anh D, nên cơ quan cảnh sát điều tra không đặt ra xử lý là đúng pháp luật.

[10] Về án phí: HĐXX. xác định các bị cáo có tội, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T và Trịnh Văn H phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1;2 Điều 51, Điều 17; 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với hai bị cáo, bị cáo T được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2017, bị cáo Trịnh Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2017.

3/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5/ Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Truy thu số tiền 5.000.000đ đối với bị cáo Nguyễn Thanh T nộp ngân sách Nhà nước.

6/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và Trịnh Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
-Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Công an huyện Yên Mỹ, tỉnhHưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ;
- UBND xã Lý Thường Kiệt,huyện Yên Mỹ ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Xuân Quỳnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MỸ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2018/HSST
Ngày 01/02/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ – TỈNH HƯNG YÊN
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Đặng Đức Thành và ông Trần Công Phú

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huệ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 05 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Thanh Tùng**, sinh năm 1987
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn Cảnh Lâm, xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa:6/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Tiến Dũng, sinh năm: 1960 và bà Lê Thị Tỉnh, sinh năm: 1963; gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ hai; vợ, con: Chưa có
Tiền án, tiền sự: Chưa có
Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2017, đến ngày 28/9/2017 chuyển tạm giam, hiện bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Mỹ, có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất của Tòa án.

2/ **Trịnh Văn Hào**, sinh năm 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn Tổ Hỏa, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa:9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trịnh Công Hữu, sinh năm: 1950 và bà Nguyễn Thị Dảo, sinh năm: 1952; gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ 5; vợ: Nguyễn Thị Ánh Tuyết, sinh năm 1993; con: Chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội bắt giữ người trái phép.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/11/2017, hiện bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Mỹ, có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất của Tòa án.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Dương, sinh năm 2000 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn Đống Thanh, xã Hưng Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

**** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:***

Ông Nguyễn Văn Nể, sinh năm 1970 (có mặt)

Bà Trần Thị Năm, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại: Thôn Đống Thanh, xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

****Những người làm chứng:***

1/ Anh Nguyễn Văn Cương, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại: Thôn Đống Thanh, xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

2/ Chị Trần Gia Nghi, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đồng Nợi A, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Nơi cư trú tại: Thôn Ông Tố, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

3/ Anh Vũ Văn Đại, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

4/ Chị Hà Thị Thắm, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đào, xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú tại: Thôn Ông Tố, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

5/ Chị Ngô Thị Thủy, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phúc Lợi, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú tại: Thôn Ông Tố, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

6/ Chị Trương Thị Xuyến, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đòn Tân, xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

7/ Chị Ngô Thị Nhung, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú tại: Thôn Thụy Trang, xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

8/ Chị Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú tại: Thôn Hạ, xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Gia Nghi là nhân viên phục vụ quán Karaoke do Nguyễn Thanh Tùng quản lý, chiều ngày 09/9/2017 chị Nghi gọi điện thoại cho Tùng xin nghỉ việc. Lúc này Tùng đang đi chơi với Trịnh Văn Hào, sau khi nghe điện thoại của chị Nghi, Tùng cùng Hào về phòng trọ của chị Nghi để tìm hiểu lý do nghỉ việc, khi đến có anh Nguyễn Văn Dương bạn trai chị Nghi đang ở trong phòng. Sau khi chị Nghi nói "muốn quay về quán karaoke Suối Đá làm để lấy nốt tiền công", bị cáo Hào gọi điện cho anh Nguyễn Đình Thanh là chủ quán Suối Đá thì được biết anh Thanh không còn nợ gì chị Nghi. Tùng, Hào cho rằng anh Dương là người bảo chị Nghi nghỉ làm nên đã bảo anh Dương và chị Nghi sang phòng trọ của Tùng ở bên cạnh để nói chuyện, khi tất cả mọi người cùng sang thì Hào dùng tay tát vào mặt anh Dương và dùng then cài cửa bằng sắt đe dọa đánh, anh Dương sợ hãi quỳ xuống nền nhà xin thì Hào bỏ ra ngoài, Tùng dùng tay chân đấm đá anh Dương, sau khi không đánh nữa Tùng nói "giờ tao không đánh mày nữa mà sẽ phạt mày cho mày nhớ đời" và Tùng lấy giấy, bút trong phòng viết với nội dung viết giấy nhận nợ với nội dung anh Dương trộm cắp xe mô tô của Tùng mang đi cắm lấy 5.000.000đ, Hào đi vào phòng nói với Tùng

“viết như vậy là không được mà để cho Dương tự viết, tự ký vào giấy”, do vậy Tùng đã đưa giấy, bút cho anh Dương viết giấy nhận nợ 5.000.000đ, sau khi anh Dương viết và ký xong Tùng bảo anh Vũ Văn Đại, chị Nguyễn Thị Huệ và chị Nghi là những người trong khu trọ ký làm chứng. Tùng yêu cầu anh Dương mượn điện thoại của anh Đại gọi điện về cho gia đình bảo người nhà mang 5.000.000đ xuống đưa cho Tùng. Đến 19 giờ 30 cùng ngày Tùng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29V7 – 14523 chở anh Dương ra ngã năm vòng xuyến Cầu Treo gặp ông Nguyễn Văn Nể và anh Nguyễn Văn Cường là bố và anh của anh Dương. Tùng đưa tờ giấy Dương tự viết cho anh Cường xem, sau đó anh Cường lấy 5.000.000đ của ông Nể đưa cho Tùng, Tùng thấy ông Nể bị liệt nên đã đưa lại 1.000.000đ cho ông Nể, Tùng về trả nợ cho Trịnh Văn Hào 800.000đ, số tiền còn lại tiêu sài cá nhân hết.

Chị Nguyễn Thị Thủy chỉ chứng kiến, không tham gia việc Hào và Tùng cưỡng đoạt tài sản của anh Dương, anh Vũ Văn Đại, chị Nguyễn Thị Huệ và chị Trần Thị Nghi bị Tùng ép ký làm chứng vào giấy nhận nợ của anh Dương nên không có vai trò đồng phạm với Tùng, do vậy không có căn cứ xử lý.

Chiếc xe mô tô Vecpa biển kiểm soát 29V7 - 14523 của Tùng, sau khi phạm tội bị cáo đã bán cho một người không biết tên tuổi được 5.000.000đ và tiêu sài cá nhân hết nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 03/QĐ-VKS-HS, ngày 04/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Tùng và Trịnh Văn Hào về tội “Chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hào khai nhận vì bực tức việc Dương xui chị Nghi nói dối cho rằng anh Thanh còn nợ tiền công của Nghi, nên bị cáo mới đánh anh Dương. Bị cáo biết rõ anh Dương không trộm cắp xe của Tùng mang đi cầm cố, sau khi Tùng tự viết giấy anh Dương nợ tiền Tùng và có đưa cho bị cáo xem và bị cáo có nói “viết như này không được, để cho anh Dương tự viết và ký”, mục đích bị cáo xem giấy và nói với bị cáo Tùng như vậy để người nhà Dương tin tưởng và giao tiền cho bị cáo Tùng. Sau khi bị cáo Tùng chiếm đoạt được 4.000.000đ của người nhà anh Dương, bị cáo không được Tùng chia cho tiền, số tiền 800.000đ Tùng đưa là trả nợ cho bị cáo.

Bị cáo Tùng khai nhận, trước khi xảy ra sự việc anh Dương đến ở cùng phòng với chị Nghi, chi phí sinh hoạt hàng ngày của chị Nghi và anh Dương đều do bị cáo chu cấp cho hai người, nên khi biết anh Dương xui chị Nghi không làm việc cho bị cáo nữa, bị

cáo rất bực tức nên đã đánh anh Dương, khi đánh bị cáo không có ý địnhc hiếm đoạt tài sản của anh Dương. Sau khi đánh xong khoảng 15 phút sau bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Dương, do vậy bị cáo mới viết giấy với nội dung anh Dương đến chơi trộm xe của bị cáo mang đi cầm cố và bị cáo phải đi chuộc với giá 5.000.000đ, thực chất Dương không trộm xe hay mượn xe của bị cáo việc này bị cáo Hào cũng biết rõ, sau khi viết xong bị cáo có đưa cho Hào xem và Hào tư vấn cho bị cáo để anh Dương tự viết, do vậy bị cáo mới yêu cầu anh Dương tự viết lại. Tại phiên tòa bị cáo đã tác động đến gia đình, nên bố bị cáo đã trả cho ông Nể 4.000.000đ thay cho bị cáo. Khi đi nhận tiền bị cáo chở anh Dương bằng xe Vecpa biển kiểm soát 29V7 – 14523, xe này là của bị cáo mua nhưng chưa sang tên, đổi biển, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã bán xe được 5.000.000đ và chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Anh Dương trình bày: Bị cáo Hào và Tùng đánh anh do anh xui chị Nghi nghỉ làm và nói dối hai bị cáo.Trong lúc đánh anh, hai bị cáo không nói gì đến việc bắt anh phải viết giấy nợ tiền. Lý do anh viết giấy nợ tiền cho bị cáo Tùng là do bị cáo Tùng dọa nếu không viết thì không cho về, chứ không phải do bị cáo Hào và Tùng đánh và anh sợ nên viết, vì sau khi bị cáo Tùng đánh anh thì 15 phút sau anh mới viết giấy, khi viết giấy lý trí anh hoàn toàn tỉnh táo minh mẫn, không lo sợ. Gia đình bị cáo Tùng đã trả lại cho bố anh 4.000.000đ, anh đề nghị HĐXX.giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Ông Nể trình bày: Ông đã nhận đủ 4.000.000đ do bố bị cáo Tùng trả, nên ông không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, ông đề nghị HĐXX. giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ đề nghị HĐXX. tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Tùng và Trịnh Văn Hào về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1;2 Điều 51; Điều 17; 58 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Tùng từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng, bị cáo Hào từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng, đề nghị HĐXX. truy thu số tiền 5.000.000đ đối với bị cáo Tùng. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn có quan điểm về trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]*Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên*: Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Tại phiên tòa hai bị cáo đều khai nhận anh Dương không mượn hoặc trộm cắp xe của bị cáo Tùng mang đi cầm cố, nhưng bị cáo Tùng đã yêu cầu anh Dương viết giấy nợ bị cáo 5.000.000đ, nếu anh Dương không viết thì bị cáo không cho anh Dương về, như vậy bị cáo Tùng có hành vi uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tài sản của anh Dương. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, đơn xin đầu thú, bản tự khai và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trước khi anh Dương viết giấy nhận nợ thì hai bị cáo có đánh anh Dương, nhưng đánh với lý do anh Dương xui chị Nghi nói dối, xui chị Nghi không làm việc cho bị cáo Tùng nữa, khi đánh hai bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản của anh Dương, bị cáo Tùng chỉ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Dương sau khi đánh anh Dương. Tại phiên tòa anh Dương xác định lý do anh viết giấy nhận nợ là do bị cáo Tùng nói phạt anh, anh viết mới được về, bị cáo Tùng không đánh anh trong khi anh viết giấy, khi bị đánh thì Tùng và Hào không nói anh phải viết giấy nhận nợ, hoặc nói anh phải gọi người nhà mang tiền đến cho hai bị cáo, sau khi bị đánh 15 phút bị cáo Tùng mới yêu cầu anh viết giấy, khi viết lý trí hoàn toàn tỉnh táo minh mẫn. Bị cáo Tùng đã chiếm đoạt được 4.000.000đ, nên các hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 135 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hào không trực tiếp yêu cầu anh Dương viết giấy, không nhận tiền từ bố anh Dương, bị cáo biết rõ anh Dương không trộm cắp hoặc mượn xe của bị cáo Tùng mang đi cầm cố lấy 5.000.000đ, nhưng khi bị cáo Tùng tự viết giấy anh Dương nợ 5.000.000đ thì bị cáo Hào đã xem lại giấy, rồi tư vấn và hướng dẫn nội dung cho bị cáo Tùng và bảo bị cáo Tùng yêu cầu anh Dương tự viết để cho gia đình anh Dương tin tưởng và gaio tiền cho bị cáo Tùng, nên bị cáo Hào là đồng phạm với bị cáo Tùng về hành vi cưỡng đoạt tài sản, do vậy bản cáo trạng số 03/QĐ-VKS-HS, ngày 04/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố hai bị cáo Nguyễn Thanh Tùng và Trịnh Văn Hào về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ Luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định.

1. *Người nào đe dọa dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.*

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một khách thể của pháp luật hình sự, hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng, bất bình. Tuổi đời của các bị cáo còn trẻ, nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện bằng chính sức lao động của mình, mà lại thực hiện hành vi cưỡng đoạt

công sức lao động của người khác lấy tiền ăn tiêu chơi bời, do vậy, cần phải dành cho các bị cáo một bản án nghiêm khắc thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này hai bị cáo là đồng phạm với nhau, nhưng là đồng phạm giản đơn vì hai bị cáo không có sự phân công vai trò của từng người, bị cáo Tùng là người khởi xướng, chủ mưu là người trực tiếp yêu cầu anh Dương viết giấy, trực tiếp đi nhận tiền và sử dụng số tiền chiếm đoạt, do vậy bị cáo Tùng phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Hào.

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Đối với bị cáo Hào: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội bắt giữ người trái phép, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2015. Theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm b Điều 2 Nghị quyết 41/ 2017/ NH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự, áp dụng hướng có lợi cho bị cáo, nên theo điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, thì bị cáo đã được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo không bị tính là tái phạm.

[5.2] Trong vụ án này cả hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên hai bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 Điều 46, bị cáo Hào có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hai bị cáo trước khi bị bắt có công ăn việc làm nhưng không ổn định, thu nhập chỉ đủ trang trải sinh hoạt hàng ngày, không có tài sản tích lũy, do vậy, nay miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Tùng đã nhận 5.000.000đ từ ông Nguyễn Văn Nể là bố đẻ của anh Dương, nhưng sau đó bị cáo đã đưa lại cho ông Nể 1.000.000đ, do vậy số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt được là 4.000.000đ. Tại phiên tòa cả hai bị cáo đều xác định số tiền 800.000đ bị cáo Tùng đưa cho bị cáo Hào là để trả nợ, chứ không phải chia cho bị cáo Hào, do vậy nay buộc bị cáo Tùng phải hoàn trả ông Nguyễn Văn Nể toàn bộ 4.000.000đ.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với tờ giấy bị cáo Tùng viết và tờ giấy nhận nợ anh Dương tự viết sau khi nhận được tiền bị cáo đã vứt đi, đối với chiếc xe mô tô Vecpa, biển số 29V7 – 145.23 của bị cáo Tùng, sau khi phạm tội bị cáo đã bán xe cho một người không rõ lai lịch được 5.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết, nên cơ quan điều tra không thu giữ được các vật chứng trên, do vậy HĐXX. không đặt ra xem xét.

[9] Chị Nguyễn Thị Thủy là người chứng kiến việc Tùng, Hào cưỡng đoạt tài sản đối với anh Dương, nhưng không tham gia vào việc cưỡng đoạt. Anh Vũ Văn Đại, chị Nguyễn Thị Huệ và chị Trần Gia Nghi bị Tùng ép ký vào giấy nhận nợ của anh Dương, nên cơ quan cảnh sát điều tra không đặt ra xử lý là đúng pháp luật.

[10] Về án phí: HĐXX. xác định các bị cáo có tội, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh Tùng và Trịnh Văn Hào phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thanh Tùng và Trịnh Văn Hào, áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trinh Văn Hào; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Tùng 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2017, bị cáo Trịnh Văn Hào 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2017.

3/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 42 Bộ Luật hình sự năm 1999 buộc bị cáo Nguyễn Thanh Tùng phải trả lại ông Nguyễn Văn Nể số tiền 4.000.000đ.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về vật chứng: Không đặt ra xem xét

6/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh Tùng phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự, bị cáo Trịnh Văn Hào phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Công an huyện Yên Mỹ, tỉnhHưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ;
- UBND xã Lý Thường Kiệt,huyện Yên Mỹ ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Xuân Quỳnh